**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ CẢ**

**Tháng 2 năm 2018**

**I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ CẢ THÁNG 2 NĂM 2018**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 năm 2018 tăng 0,73% so với tháng trước, tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,24% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân hai tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm trước tăng 2,9%.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 09 nhóm hàng tăng giá: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,53%; Giao thông tăng 0,79%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,75%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,74%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,72%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,27%; May mặc, mũ nón, giầy dép tăng 0,2%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07%; Giáo dục tăng 0,02%. Có 02 nhóm hàng giảm giá: Nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,09%; Bưu chính viễn thông giảm 0,07%.

**1. Các nguyên nhân làm tăng CPI tháng 2 năm 2018**

Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm nay muộn hơn năm trước rơi vào thời điểm giữa tháng 2/2018 nên nhu cầu mua sắm hàng Tết của người tiêu dùng bắt đầu tăng cao vào ngày 23 tháng Chạp (Tết ông Công ông Táo) và kéo dài đến 30 Tết tức ngày 15/2/2018. CPI tháng 2/2018 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

(1). Giá các mặt hàng lương thực tăng 1,44% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng, bên cạnh đó các thương lái thu gom lúa gạo cho hợp đồng xuất khẩu gạo sang Indonexia và Philippine.

(2). Giá các mặt hàng thực phẩm tươi sống tăng khá cao do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm phục vụ Tết tăng cao như thịt lợn, thịt bò, hải sản tươi sống với mức tăng từ 1% đến 8%, đặc biệt mặt hàng thịt lợn do mức giá các tháng trước ở mức thấp nên có địa phương giá tăng trên 7%. Theo đó, nhóm thực phẩm tăng 1,71% góp phần tăng CPI chung 0,39%.

(3). Giá xăng dầu mặc dù được điều chỉnh giảm vào ngày 21/2/2018, giá xăng A95 giảm 400đ/lít, giá xăng E5 giảm 330 đồng/lít, giá dầu diezen giảm 240đồng/lít nhưng do còn ảnh hưởng của các đợt tăng giá ngày 04/1/2018 và ngày 19/1/2018 nên bình quân tháng 2/2018 giá xăng dầu tăng 1,15% so với tháng trước đóng góp làm tăng CPI chung 0,05%.

(4). Nhu cầu tiêu dùng phục vụ Tết Nguyên đán tăng nên giá các mặt hàng về đồ uống, thuốc lá tăng từ 0,5% đến 1,5%.

(5). Giá điện sinh hoạt tăng 1,31% do nhu cầu sử dụng điện tháng Tết tăng cao làm tăng CPI chung 0,03%.

(6). Giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 3,34% do một số đơn vị kê khai tăng giá chiều đông khách (trước Tết chiều từ Nam ra Bắc, từ thành phố về nông thôn và sau Tết là chiều ngược lại) từ 20%-60% so với giá vé bán ngày thường nhằm bù đắp phần chi phí cho phương tiện chạy chiều vắng khách. Giá vé tàu hỏa tăng 19,26% do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tăng giá vé vào dịpTết Nguyên đán.

(7). Thời gian nghỉ Tết dài ngày nên nhu cầu du lịch tăng cao dẫn tới chỉ số giá nhóm du lịch trọn gói tăng 0,7% so với tháng trước.

**2. Các nguyên nhân làm giảm CPI tháng 2 năm 2018**

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, còn có một số nguyên nhân kiềm chế CPI tháng 2/2018 như sau:

(1). Giá gas giảm 5,14% do các doanh nghiệp điều chỉnh giảm giá từ ngày 01/2/2018 với mức giảm 20.000đ/bình 12 kg do giá gas thế giới giảm.

(2). Giá rau tươi giảm 1,72% do thời tiết thuận lợi nên sản lượng rau tươi dồi dào và nhiều chủng loại.

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 giai đoạn 2009 - 2018**

*Đơn vị tính:%*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
| CPI tháng 2 năm báo cáo so với tháng trước | 1,17 | 1,96 | 2,09 | 1,37 | 1,32 | 0,55 | -0,05 | 0,42 | 0,23 | 0,73 |
| CPI bình quân 2 tháng đầu năm  so cùng kỳ năm trước | 16,12 | 8,04 | 12,24 | 16,85 | 7,04 | 5,05 | 0,64 | 1,03 | 5,12 | 2,90 |
| CPI tháng 2 năm báo cáo so cùng kỳ năm trước | 14,78 | 8,46 | 12,31 | 16,44 | 7,02 | 4,65 | 0,34 | 1,27 | 5,02 | 3,15 |

**II. DIỄN BIẾN GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 2 NĂM 2018 CỦA MỘT SỐ NHÓM HÀNG CHÍNH**

**1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,53%)**

***a) Lương thực (+1,44%)***

Chỉ số giá lương thực tháng 2/2018 tăng 1,44% so với tháng 1/2018 do nhu cầu tiêu dùng các loại gạo vào dịp Tết Nguyên đán tăng đặc biệt ở mặt hàng gạo nếp và gạo tẻ ngon, bên cạnh đó, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh (hiện giá xuất khẩu gạo 5% tấm tăng gần 50 USD so cuối năm 2017) trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu gạo từ các nước như Bangladesh, Indonesia và Philippines tăng làm cho giá gạo trong nước tăng.

Tại miền Bắc giá gạo tẻ thường ở mức 12.500đ/kg - 13.000đ/kg, tại miền Nam gạo tẻ thường IR50404 giá phổ biến ở mức 11.200đ/kg - 11.700đ/kg; gạo tẻ thường IR74 giá 10.000đ/kg - 10.500đ/kg, gạo tẻ ngon Nàng thơm chợ Đào giá 17.000đ/kg - 19.000đ/kg, giá gạo nếp dao động từ 25.000đ/kg - 30.000đ/kg.

***b) Thực phẩm (+1,71%)***

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng này tăng mạnh và tăng ở hầu hết các mặt hàng trong nhóm do nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán của người dân tăng, cụ thể:

- Giá thịt lợn tăng 2,64%, giá thịt bò tăng 1,97% do nhu cầu tích trữ Tết cùng với chế biến các loại nem, giò, chả;

- Giá thịt gia cầm tươi sống tăng 2,46% đặc biệt giá gà ta tăng từ 10.000đ/kg - 20.000đ/kg do nhu cầu của người dân tăng cao để cúng tất niên và giao thừa;

- Giá thủy sản tươi sống tăng 3,01% trong đó: cá tươi tăng 2,68%, tôm tươi tăng 3,62%; thủy hải sản chế biến tăng 1,41% do ảnh hưởng của thời tiết biển động sản lượng đánh bắt giảm cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng cao;

- Trứng gia cầm các loại tăng 1,33% do nhu cầu về nguyên liệu để làm bánh trong dịp Tết tăng;

- Giá bánh kẹo, bơ, cà phê, chè búp khô, mứt tết có mức tăng từ 0,2% đến 4,0%;

- Giá quả tươi tăng 5,24% đặc biệt ở các loại quả dùng để bày mâm ngũ quả ngày Tết như phật thủ, chuối, bưởi, cam, thanh long, xoài, đu đủ.

Riêng giá rau tươi giảm 1,72% so với tháng trước do thời tiết sản xuất rau Tết tương đối thuận lợi nên rau phát triển tốt, lượng rau cung cấp ra thị trường khá dồi dào, không xảy ra tình trạng khan hiếm nên bình quân tháng 2/2018 nhiều loại rau giảm giá như: bắp cải, xu hào, cà chua, khoai tây giảm từ 5% - 10%.

***c) Ăn uống ngoài gia đình (+1,14%)***

Giá lương thực, thực phẩm tháng này cao hơn các tháng trước cùng với nhu cầu đi lễ hội vào tháng âm lịch đầu năm tăng cao nên giá các mặt hàng ăn uống ngoài gia đình tăng 1,14%; trong đó: ăn ở quán bình dân tăng 1,17%; uống ngoài gia đình tăng 0,96%.

**2. Đồ uống, thuốc lá (+0,75%)**

Do nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết tăng nên giá đồ uống các loại đều tăng: đồ uống không cồn tăng 0,41%; giá rượu bia tăng 1,1%; thuốc hút tăng 0,51%.

**3. May mặc, mũ nón, giầy dép (+0,2%)**

Thời tiết miền Bắc những ngày đầu tháng 2 rét đậm, bên cạnh đó nhu cầu sản phẩm may mặc, giầy dép và dịch vụ may mặc tăng cao trong dịp Tết, cụ thể: giá quần áo may sẵn tăng 0,15%; giầy dép tăng 0,24%; dịch vụ may mặc tăng 0,86%; quần áo may sẵn tăng 0,15%; khăn mặt, khăn quàng, găng tay và bít tất ...tăng từ 0,2% đến 0,6%.

**4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (-0,09%)**

Chỉ số giá nhóm hàng này giảm chủ yếu ở mặt hàng gas. Giá gas giảm 5,14% do các doanh nghiệp trong nước điều chỉnh giảm 20.000đ/bình 12 kg từ ngày 01/2/2018 do giá gas nhập khẩu trong tháng 2 giảm 65USD/tấn chốt giá ở mức 515 USD/tấn.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng tăng giá như sau:

- Nhu cầu sửa chữa nhà cửa cuối năm tăng làm cho giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,39%; giá dịch vụ sửa chữa nhà tăng 0,63%;

- Giá điện sinh hoạt tăng 1,31% do nhu cầu sử dụng điện tháng Tết tăng cao, làm tăng CPI chung 0,03%.

**5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,27%)**

Thời tiết lạnh nên nhu cầu về các thiết bị và đồ dùng gia đình tăng , giá bình nước nóng tăng 0,27%; giá chiếu, ga trải giường tăng 0,13%. Tuy nhiên, giá các mặt hàng về điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh giảm 0,15% do nhu cầu tiêu dùng giảm.

Bên cạnh đó, nhu cầu một số mặt hàng đồ dùng trong nhà tăng do nhu cầu người dân sắm sửa chuẩn bị Tết tăng như: đồ dùng nấu ăn, bát, đĩa, ly, cốc, lọ hoa tăng giá 5% - 8%. Ngoài ra, nhu cầu thuê người giúp việc cuối năm tăng cao nên giá cũng tăng nhẹ 1,4% so tháng trước.

**6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,07%)**

Tháng 2 thời tiết rét đậm, rét hại nên người dân hay mắc các bệnh về đường hô hấp do đó nhu cầu sử dụng thuốc kháng sinh, thuốc cảm, thuốc vitamin tăng làm cho chỉ số giá thuốc y tế tăng 0,29%. Giá dịch vụ y tế ổn định.

**7. Giao thông (+0,79%)**

Do còn ảnh hưởng của đợt tăng giá trong tháng trước nên bình quân tháng 2/2018 giá xăng dầu tăng 1,15% so với tháng trước làm tăng CPI chung 0,05%.

Giá vé ô tô khách tăng 5,16% do một số đơn vị kê khai tăng giá vé chiều đông khách (trước Tết chiều từ Nam ra Bắc, từ thành phố về nông thôn và sau Tết là chiều ngược lại) từ 20% - 60% so với giá vé ngày thường nhằm bù đắp phần chi phí cho phương tiện chạy chiều vắng khách.

Giá vé tàu hỏa tăng 19,26% do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tăng giá vé vào dịp Tết Nguyên đán 2018.

Dịch vụ trông giữ xe máy, ô tô trong dịp Tết tăng tại các địa điểm trung tâm thành phố và các điểm đền, chùa lớn với mức tăng phổ biến từ 5.000 đồng/ xe máy - 10.000 đồng/ xe máy và 20.000 đồng/ xe ô tô - 30.000 đồng/ xe ô tô so với giá trước Tết.

**8. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,72%)**

Thời gian nghỉ Tết dài ngày, nhu cầu du lịch tăng cao nên giá các tua du lịch trong nước tăng 0,6%; giá khách sạn, nhà nghỉ tăng 0,34% so với tháng trước.

Giá các loại hoa tươi tăng 16,93% do năm nay thời tiết lạnh kéo dài, hoa nở muộn cùng với nhu cầu hoa tươi vào dịp Tết, ngày lễ Valentine - ngày 14/2 khiến giá hoa tăng cao cụ thể: hoa hồng có giá từ 8.000 - 15.000 đồng/cành, hoa cúc có giá từ 5.000 - 8.000 đồng/cành.

**9. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,74%)**

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng chủ yếu ở mặt hàng dịch vụ cá nhân như cắt tóc, gội đầu, uốn tóc tăng 2,62% so với tháng trước. Vào dịp Tết Nguyên đán nhu cầu về các đồ thờ cúng tăng nên giá các mặt hàng này tăng 0,84% so với tháng trước**.**

**10. Chỉ số giá vàng (+1,83%)**

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, đồng Đô la Mỹ yếu hơn so với “rổ” 6 đồng tiền tạo đà tăng cho giá vàng, bình quân đến ngày 25/2/2018 giá vàng thế giới ở mức 1.336,1 USD/ounce tăng 0,2% so với tháng trước. Ngoài ra, giá vàng trong nước tăng do trong tháng có ngày Thần Tài nên nhu cầu người dân mua vàng tăng. Bình quân tháng 2/2018 giá vàng trong nước tăng 1,83% so với tháng trước, giá vàng dao động quanh mức 3,7 triệu đồng/chỉ vàng SJC.

**11. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,01%)**

Đồng đô la Mỹ suy yếu do các nhà đầu tư khá thất vọng với tốc độ tăng lãi suất của Mỹ trong bối cảnh kinh tế Mỹ, thị trường chứng khoán số 1 thế giới và lạm phát tăng nhanh trong tháng 1/2018 và đạt mục tiêu 2% mà các nhà hoạch định chính sách đã vạch ra trước đó. Trong nước, do lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dồi dào cùng với nhu cầu về ngoại tệ đầu năm của Doanh nghệp không cao, nên giá đồng USD trong nước ổn định, giá bình quân ở thị trường tự do tháng này ở quanh mức 22.740 VND/USD.

**III. LẠM PHÁT CƠ BẢN**

Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) tháng 2/2018 tăng 0,49% so với tháng trước, tăng 1,47% so với cùng kỳ.

**Lạm phát cơ bản tháng 2 trong các năm gần đây**

*Đơn vị tính:%*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
| Lạm phát cơ bản tháng 2 năm báo cáo so với tháng trước | 1,71 | 0,89 | 1,04 | 0,58 | 0,36 | 0,56 | 0,2 | 0,49 |
| Lạm phát cơ bản hai tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước | 9,69 | 13,07 | 5,31 | 3,81 | 2,40 | 1,82 | 1,69 | 1,32 |
| Lạm phát cơ bản tháng 2 năm báo cáo so cùng kỳ năm trước | 9,80 | 12,61 | 5,39 | 3,57 | 2,29 | 1,93 | 1,51 | 1,47 |
| Lạm phát cơ bản bình quân năm so với năm trước | 13,62 | 8,19 | 4,77 | 3,31 | 2,05 | 1,83 | 1,41 | KH  1,6-1,8 |

Trong tháng 2/2018, lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản. Điều này phản ánh biến động giá do yếu tố thị trường có mức tăng cao, đó là giá lương thực, thực phẩm tươi sống, giá xăng dầu. Lạm phát cơ bản hai tháng đầu năm 2018 so cùng kỳ ở mức 1,32% phản ánh chính sách tiền tệ vẫn đang điều hành ổn định.